

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **105/2023/TLST-HNGĐ** ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Kdc Phạm Xá, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn Anh Vũ Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Kdc Phạm Xá, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2023, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn -chị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn H tự nguyện kết hôn, được UBND xã Hiến Thành nay là phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 26/8/1995. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc chỉ được 3 tháng đầu, sau đó vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do chị tìm hiểu chưa kỹ, anh H nghiện rượu, say là chửi bới đánh đập chị, chị càng cố gắng chịu đựng thì anh H ngày càng lấn tới. Đến năm 1997, chị có con đầu lòng, nghĩ là anh H thay đổi nhưng không có biến chuyển gì. Vì con nhỏ nên chị cũng cam chịu, anh H ngày càng quá thể hơn. Sau khi sinh con thứ 2 vào năm 2002, do anh H đánh đập chị nhiều, kinh tế gia đình khó khăn nên chị phải đi lao động ở nước ngoài để có tiền trả nợ. Đến năm 2007 chị về nước, đầu năm 2008 chị đi làm công nhân Công ty, cùng chung sống với anh H nhưng anh H vẫn đánh đập chị, có hôm chị tăng ca đến 8 giờ về thì anh H bắt chị đứng ở sân đến 11 giờ đêm mới cho chị vào nhà.

Mâu thuẫn vợ chồng vẫn diễn ra thường xuyên, anh H kiểm soát, chửi, đánh chị, đập phá đồ đạc. Đến tháng 1/2019 chị phải trốn đi lao động ở nước ngoài, hết hợp đồng 4 năm chị lại về chung sống cùng anh H. Tuy nhiên, anh H đánh đập, hành hạ chị càng thêm tệ hơn, khoảng giữa tháng 01/2023 khi anh H đánh chị, con trai chị là Vũ Chiên C vào can thì anh H dùng tô vít đâm vào vai cháu C. Đến ngày 12/02/2023, anh H tiếp tục đánh chị, chị phải nhờ Công an phường can thiệp và bảo vệ chị để chị trốn khỏi anh H, không kịp đem theo quần áo. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Do anh H đánh chị bất cứ lúc nào nên chị đề nghị Tòa án tránh việc chị phải tiếp xúc với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Vũ Chiên C, sinh năm 1997 và Vũ Thị Thanh C1, sinh năm 2002 đã trưởng thành chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, nợ chung:*Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Vũ Văn H trình bày: **Anh và chị Phạm Thị D** tự nguyện kết hôn, đăng ký và được UBND xã **Hiển Thành nay phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương** cấp Giấy chứng nhận kết hôn **năm 1995**. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhà với bố mẹ anh, sau này anh chị làm nhà riêng trên đất của bố mẹ anh cho, là đất ông cha để lại. Cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2003 chị D đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan, đi đến năm 2006 thì về. Chị D ở nhà 1 năm, đến 2007 đi làm công nhân Công ty Namlee ở Phú Thái, Kim Thành, Hải Dương đến năm 2016 thì chị nghỉ làm ở Công ty NamLee. Quá trình 10 năm này vợ chồng vẫn ở chung nhà, ăn cùng nhau, nhưng lại ly thân về mặt tình cảm, chị không cho anh quan hệ về tình cảm. Đến năm 2016, anh không đồng ý nhưng chị D trốn đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, đến tháng 12/2022 âm lịch chị D về, làm đám cưới cho con thứ 2. Sau khi đám cưới con thứ 2 xong, có mấy đám cưới mời vợ chồng anh chị, 2 vợ chồng chia ra đi, anh đã đi được 4 đám cưới, đến đám thứ 5 thì anh bảo chị D đi đám này, anh cho vào phong bì 100.000 đồng và đưa cho chị D để chị D thêm tiền vào để đi đám còn lại. Chị D đi xong về kỳ kèo bảo có 200.000 đồng mà anh không thêm cho đủ để đi đám cưới. Lúc đó vợ chồng to tiếng, thì cháu C có gọi điện báo Công an phường vào, chị D trốn đi luôn từ đó đến nay, anh không liên lạc được vì chị D đã chặn số của anh. Trước đây, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vẫn vui vẻ. Anh không đánh đập chị D mà anh chỉ chửi chị D và đập đồ đạc. Đám cưới con gái xong, chị D sách quần áo đòi bỏ đi nhưng anh giữ chị D không cho đi, thì cháu C vào đẩy anh ra để cho mẹ cháu là chị D trốn đi, đẩy anh ngã vào bậc cầu thang. Sau đó vợ chồng lại vui vẻ. Đến ngày 12/2/2023 thì chị D bỏ đi hẳn. Nay anh cũng không liên lạc được với chị D. Chị D xin ly hôn, anh biết là anh cũng có lỗi đã chửi vợ, nhưng anh mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ. Trường hợp chị D cố tình ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận nhưng yêu cầu chị D phải đem trả anh bìa đỏ nhà đất để bố con anh ở.

Quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Chiễn C, sinh năm 1997 và Vũ Thị Thanh C1, sinh năm 2002 đã trưởng thành anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tuổi thanh xuân: Từ năm 2003 đến nay, anh phải ở nhà chờ đợi chị D đoàn tụ, không đi lấy vợ khác, nhưng chị D không thay đổi về mặt tình cảm vẫn sống kiêu ly thân, đến năm 2017 lại tiếp tục đi Đài Loan trong khi anh không đồng ý. Khi chung sống cùng nhau cũng chỉ ở tạm bợ mà không chia sẻ về mặt tình cảm. Do đó, anh yêu cầu chị D phải bồi thường cho anh tiền thanh xuân.

Về tiền nuôi con: Từ năm 2003 chị D lao động đến năm 2006 về, trong 3 năm đó, chị D không gửi tiền về nuôi con, bình quân 10 triệu đồng/tháng x 3 năm = 360.000.000 đồng x 2 = 720.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại Biên bản lấy lời khai, ông M (là bố đẻ anh H) trình bày: Sau khi kết hôn anh H, chị D sống chung cùng ông bà, sau một thời gian thì anh H, chị D ra ở riêng nhà bên cạnh. Khi anh H và chị D sinh con thứ hai được khoảng hơn 01 năm thì chị D có ý kiến xin vợ chồng ông bà để đi làm ăn bên Đài Loan và bảo vợ chồng ông bà cầm cố nhà để lấy tiền cho chị D đi Đài Loan 03 năm, hết hạn chị D về và xây nhà 02 tầng, vợ chồng con cái ở với nhau được khoảng 10 năm sau đó chị D lại tiếp tục bỏ đi không có ý kiến gì với ông bà và anh H. Đến ngày 07/01/2023 cháu Vũ Thị Thanh C1 lấy chồng thì chị D có về được khoảng 10 ngày. Trong khoảng 10 ngày chị D về nhà thì anh H và chị D có xảy ra mâu thuẫn về việc làm phong bì đi đám cưới, khi xảy ra mâu thuẫn thì cháu Vũ Chiễn C gọi Công an phường đến chứng kiến và trưởng khu dân cư đến, sau đó chị D bỏ đi luôn từ hôm đó. Nay chị D có đơn xin ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Chiễn C - sinh năm 1997 và Vũ Thị Thanh C1, sinh năm 2002. Từ khi chị D đi làm ở Đài Loan thì việc ăn, học của hai cháu đều do ông bà chăm sóc, giúp đỡ. Nay hai cháu đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: ông bà có cho anh H và chị D vay số tiền 20.000.000 đồng vào năm 2010; số tiền công xây nhà 02 tầng là 16.000.000 đồng ông bà trả cho anh H, chị D. Năm 2010 anh H, chị D vay tiền ông bà để sơn nhà và lát gạch. Nay anh H và chị D không ở được với nhau thì ông bà muốn lấy lại toàn bộ số tiền trên và yêu cầu cả tiền lãi, còn nếu chị D và anh H không ly hôn thì ông bà cho anh chị và không lấy lại. Trường hợp anh H chị D bỏ nhau thì ông yêu cầu anh H, chị D phải trả cho ông bà toàn bộ số tiền trên là 111.000.000 đồng và phải trả lãi theo lãi suất hiện nay và phải trả theo tháng.

Xác minh tại khu dân cư được ông Trưởng khu cung cấp: Anh H, chị D kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiến Thành ngày 26/8/1995. Sau khi kết hôn anh H, chị D sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh H được một thời gian thì chị D đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan được vài năm thì về sinh sống cùng nhà với anh H. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đánh chửi nhau. Nguyên nhân theo ông được biết là quá trình chung sống chị D đi Đài Loan về và không có quan hệ tình cảm với anh H, vợ chồng sinh sống cùng nhà nhưng như ly thân và chị D sau khi về nước vẫn có nguyện vọng đi nước ngoài tiếp nhưng anh H

không cho chị D đi. Do vậy anh H thường xuyên bức xúc, nóng nảy xảy ra mâu thuẫn đánh nhau và báo chính quyền địa phương, Công an đến hòa giải nhưng chị D và anh H vẫn không thay đổi. Nay chị D có đơn đề nghị xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị D vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H.

- Bị đơn – anh H có quan điểm: Chị D là người xin ly hôn nên phải có mặt tại phiên tòa, anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị D cố tình xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định nhưng yêu cầu chị D phải bồi thường cho anh tuổi thanh xuân; anh thay đổi và yêu cầu chị D phải trả anh tiền anh nuôi con trong 10 năm từ năm 2007 đến năm 2017; yêu cầu chị D trả anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh và chị D. Tuy nhiên, anh không đưa ra được căn cứ, số tiền cụ thể.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị D ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh H có nơi cư trú tại phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt chị D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh H có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình chung sống, chị D và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau mặt khác nhiều lần xảy ra xô xát, bạo lực gia đình. Trưởng khu dân cư, Công an phường phải hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 2/2023 đến nay. Chị D cương

quyết xin ly hôn. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị D, anh H có 02 con chung là cháu Vũ Chiển C, sinh năm 1997 và Vũ Thị Thanh C1, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị D, anh H đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Xét việc chị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là theo đúng quy định của pháp luật; anh H yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con trong 10 năm (từ năm 2007 đến năm 2017), thời điểm này chị D đang chung sống cùng anh và cùng nuôi con; anh yêu cầu chị D bồi thường cho anh tuổi thanh xuân. Tuy nhiên, những yêu cầu này của anh H không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7]. Tại biên bản lấy lời khai, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H, chị D phải trả ông số tiền ông đã cho và tiền vay, tổng là 111.000.000 đồng, tòa án đã thông báo nhưng ông M không có yêu cầu độc lập nên HĐXX không xem xét.

[8] *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Chị D, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị D. Xử cho chị Phạm Thị D ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2021/0002156 ngày 20/3/2023, chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy

định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn (số GCNKH 19 ngày 26.8.1995);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc